

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM TRỰC  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung giữa chị H và anh H”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hùng;

Ông Lưu Xuân Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1990; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định; “xin vắng mặt”

**- Bị đơn:** Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1985; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định. “xin vắng mặt”

Hiện đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2; địa chỉ: Ấp E, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

**- Người làm chứng:** Bà Dương Thị B, sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22-5-2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị H đăng ký kết hôn với anh Bùi Văn H1, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 25-03-2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 không tu chí làm ăn và đã vướng vào tệ nạn xã hội dẫn đến nghiện ngập. Hiện nay anh H1 đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số B, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn H1.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng có 02 con chung là: Bùi Quang L, sinh ngày 24-02-2008 và Bùi Thị T, sinh ngày 26-11-2010. Hiện hai con chung vẫn đang ở tại nhà của vợ chồng chị H anh H1 xây cùng với bà nội. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu L và cháu T và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện nay chị H kinh doanh tự do thu nhập 10.000.000đồng/tháng, đủ khả năng và đảm bảo nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Bùi Văn H1 trình bày: Hiện anh H1 đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại tổ B Cơ sở cai nghiện ma túy số B, tỉnh Bình Dương, tâm lý của anh không ổn định nên anh không chấp nhận ý kiến xin ly hôn nuôi, nuôi con chung và phân chia tài sản chung. Anh H1 đề nghị hoãn lại một thời gian cho anh, khi nào hết hạn cai nghiện trở về anh sẽ xem xét và suy nghĩ về việc chị H xin ly hôn, nuôi con chung và phân chia tài sản chung. Anh đề nghị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tại biên bản làm việc ngày 09-6-2025, bà Dương Thị B trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Bùi Văn H1. Anh H1 và chị H có đăng ký kết hôn với nhau, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Hiện anh H1 đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số B, tỉnh Bình Dương. Từ khi anh H1 bị vào cơ sở cai nghiện ma túy thì vợ chồng không còn tình cảm, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị H để ở còn hai con chung của anh H1 và chị H đang ở cùng bà B. Việc anh H1 và chị H đề nghị được ly hôn như thế nào bà không biết, bà không có ý kiến gì vì đó là quyền của các anh chị.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh H1 có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định: Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn N cho biết anh Bùi Văn H1, sinh năm 1985 và chị Đoàn Thị H, sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định. Anh H1 và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N vào ngày 25-03-2008. Chị H và anh H1 có hai con chung là Bùi Quang L, sinh ngày 24-02-2008 và Bùi Thị T, sinh ngày 26-11-2010 có đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Quá trình chung sống anh H1 và chị H mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ do các đương sự không thông qua hòa giải tại cơ sở.

Chị H và anh H1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tại phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị H và anh Bùi Văn H1.

Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Bùi Quang L, sinh ngày 24-02-2008 và Bùi Thị T, sinh ngày 26-11-2010 cho chị Đoàn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh H1 không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Đoàn Thị H và anh Bùi Văn H1 đều có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đoàn Thị H và anh Bùi Văn H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 25-03-2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 không tu trí làm ăn và đã vướng vào tệ nạn xã hội dẫn đến nghiện ngập. Hiện nay anh H1 đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số B, huyện P, tỉnh Bình Dương và vợ chồng đã ly thân. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H1 nên đề nghị được ly hôn anh H1. Anh H1 không nhất trí, vì hiện nay anh đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy, tâm lý của anh không ổn định, khi nào hết hạn cai nghiện trở về anh sẽ xem xét và suy nghĩ về việc ly hôn, nuôi con chung và phân chia tài sản chung.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn quá trình chung sống giữa chị H và anh H1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và đến nay đã trầm trọng do anh H1 không tu trí làm ăn và đã vướng vào tệ nạn xã hội. Hiện nay anh H1 đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Phía anh H1 không nhất trí yêu cầu của chị H, tuy nhiên hiện anh đang phải chấp hành cai nghiện bắt buộc, chị H thì xác định không còn tình cảm, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải cho chị được ly hôn anh H1. Qua xác minh tại nơi cư trú của chị H và anh H1 thể hiện: anh H1 và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N vào ngày 25-03-2008. Chị H và anh H1 có hai con chung là Bùi Quang L, sinh ngày 24-02-2008 và Bùi Thị T, sinh ngày 26-11-2010 có đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân thị trấn N. Ngoài ra, theo mẹ đẻ anh H1 thì quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Hiện anh H1 đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số B, tỉnh Bình Dương. Từ khi anh H1 bị vào cơ sở cai nghiện ma túy thì vợ chồng không còn tình cảm, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị H ở. Từ những phân tích trên, xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Bùi Quang L, sinh ngày 24-02-2008 và Bùi Thị T, sinh ngày 26-11-2010. Khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi hai con chung không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị buôn bán kinh doanh tự do thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng. Anh H1 không nhất trí ly hôn nên anh không có ý kiến gì về nuôi con chung. Xét điều kiện hoàn cảnh và nguyện vọng của hai bên hiện nay thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung mặc dù đang ở cùng với bà nội nhưng vẫn do chị H nuôi dưỡng, hiện chị H buôn bán kinh doanh tự do thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng. Anh H1 hiện đang phải áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tại tỉnh Bình Dương không có đủ điều kiện để nuôi con chung. Do đó, cần giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc theo nguyện vọng của chị H và cũng phù hợp với ý kiến của cháu L, cháu T có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Về trách nhiệm cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con, phía anh H1 không có ý kiến gì nên về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Vì vậy, cần giao hai con chung Bùi Quang L và Bùi Thị T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H (do chị H không yêu cầu), hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị H không yêu cầu giải quyết, phía anh H1 đề nghị Tòa án gia hạn khi nào anh chấp hành xong thời gian cai nghiện anh sẽ đề nghị giải quyết về phân chia tài sản chung. Xét thấy vụ án cần được giải quyết trong thời hạn luật định, chị H không đề nghị giải quyết, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, sau này nếu anh H1 có yêu cầu phân chia tài sản chung, có đầy đủ tài liệu chứng cứ thì anh làm đơn để được hướng dẫn giải quyết thành một vụ kiện dân sự khác. Do đó về chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Đoàn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị H và anh Bùi Văn H1.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Bùi Quang L, sinh ngày 24-02-2008 và Bùi Thị T, sinh ngày 26-11-2010 cho chị Đoàn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Đoàn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005368 ngày 23-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện +tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Nam Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thúy Nga**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hùng      Lưu Xuân Tiến**

